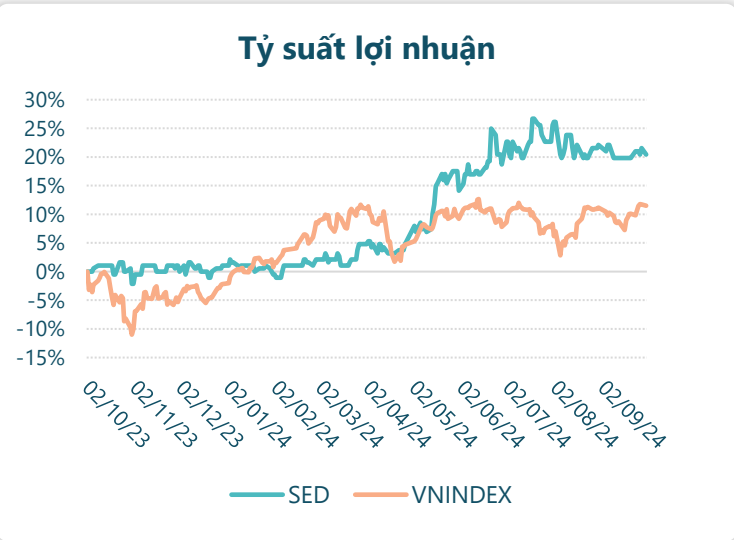


Ngày	21,100 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.4%	0%	14.3%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	17,151 - 22,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	196
Số lượng CPLH (CP)	9,271,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,610
Sở hữu nước ngoài	5.5%
Beta	0.33
EPS	4,933
P/E	4.3



Doanh thu thuần
Q3/24

429

tỷ VNĐ

QoQ: ▼188 | -30.5%

YoY: ▼11.0 | -2.6%

Nợ/VCSH
Q3/24

142%

YoY: +/-▼ 49.0%

LN gộp
Q3/24

107

tỷ VNĐ

QoQ: ▼19.0 | -14.9%

YoY: ▲ 6.00 | 6.1%

ROE (TTM)
Q3/24

14.7%

YoY: +/-▼ 0.4%

LN trước thuế
Q3/24

21.5

tỷ VNĐ

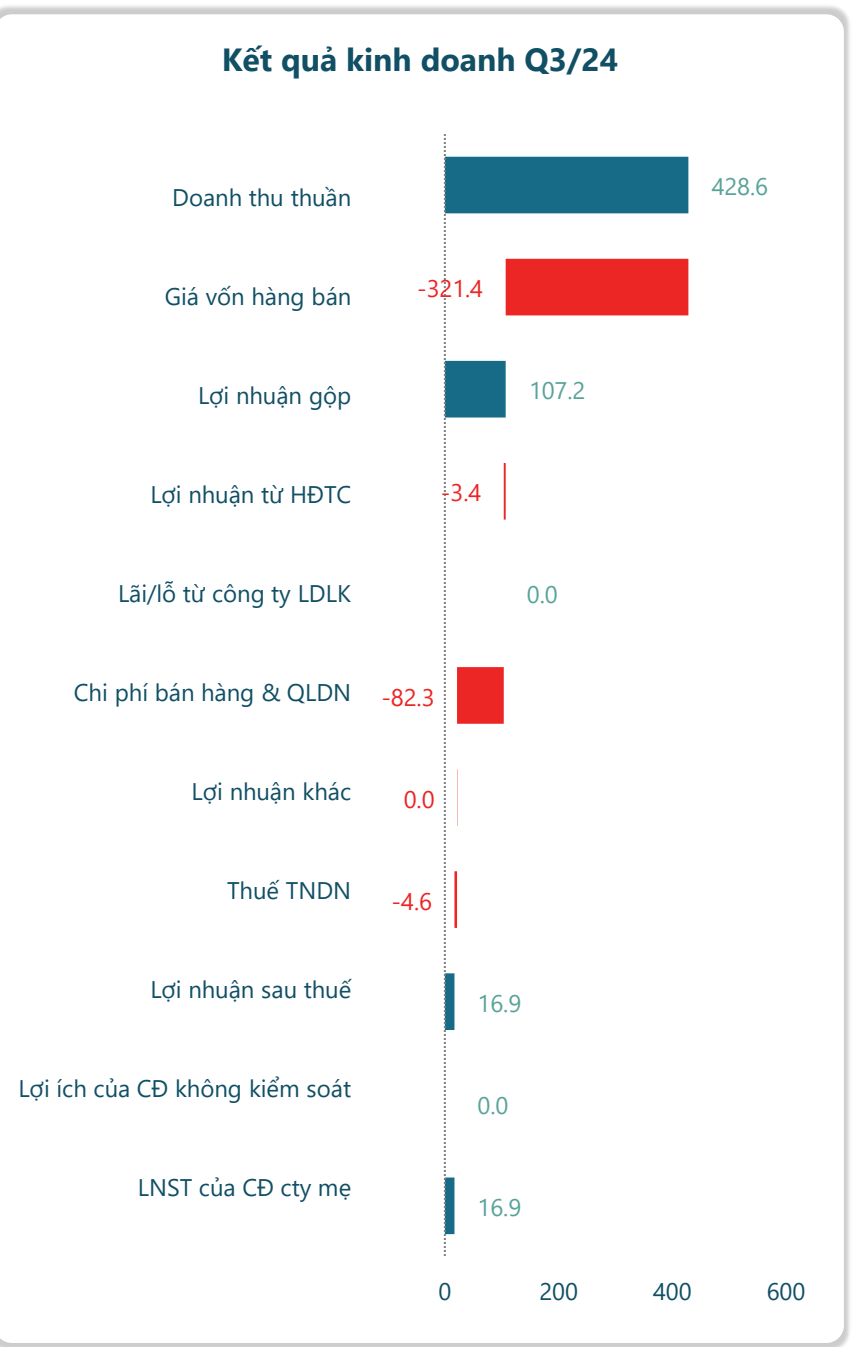
QoQ: ▼2.80 | -11.4%

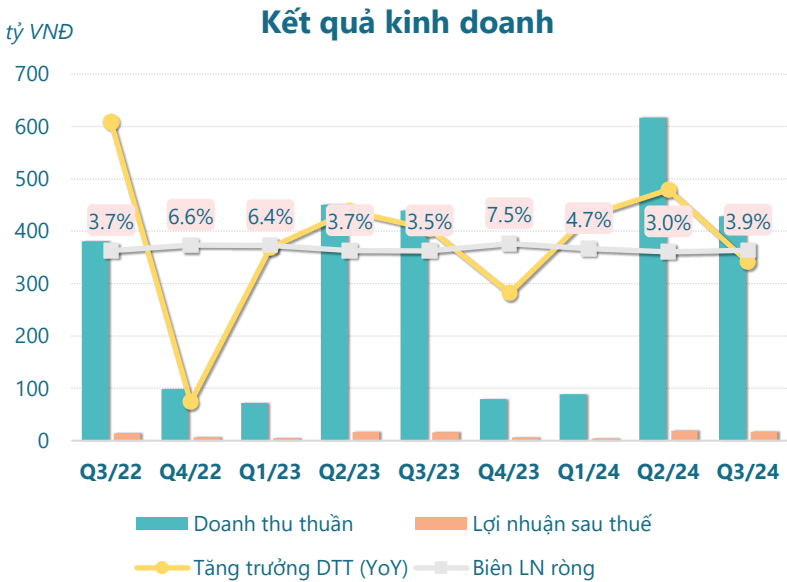
YoY: ▲ 1.40 | 7.2%

ROA (TTM)
Q3/24

5.8%

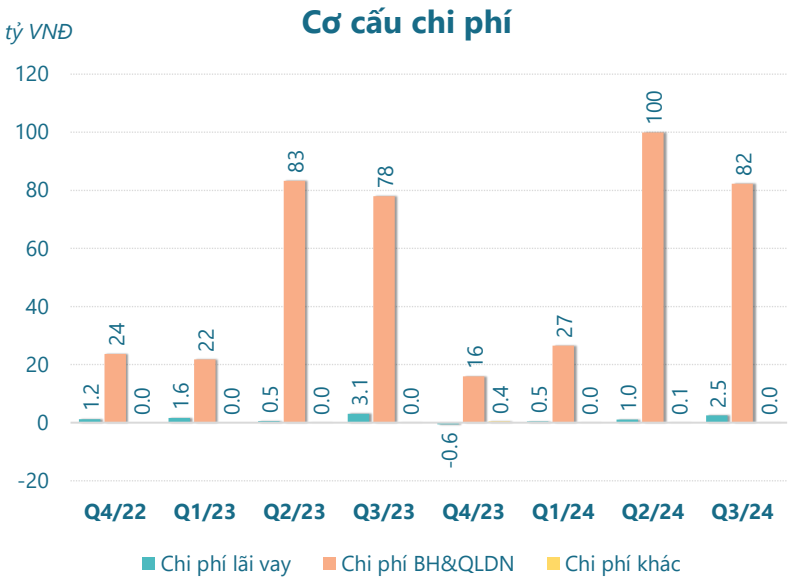
YoY: +/-▲ 0.8%





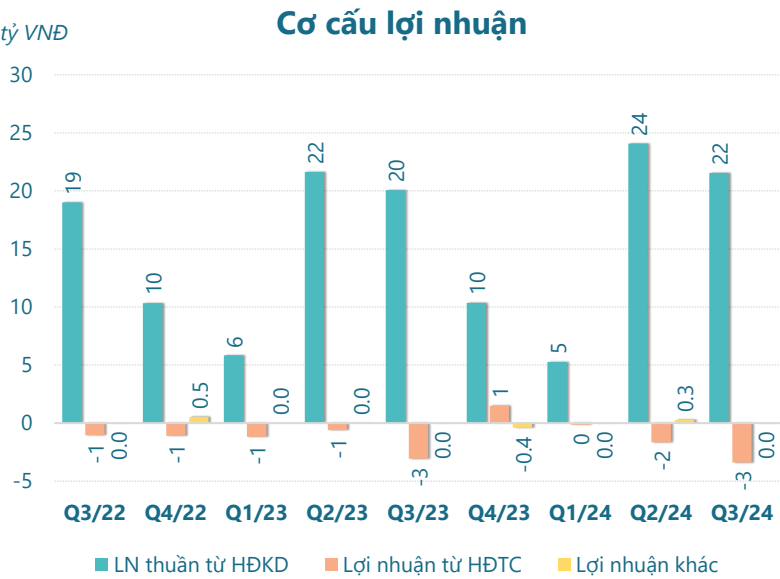
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 21.55 tỷ đồng**, giảm đi 10.5% so với kỳ trước và cao hơn 7.43% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 3.41 tỷ đồng** giảm đi 1.76 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.35 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.01 tỷ đồng** giảm đi 104% so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **SED** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **428.6 tỷ đồng** giảm đi **2.51%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 16.90 tỷ đồng**, **tăng trưởng 8.26%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,134 tỷ đồng** cao hơn 17.9% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 40.00 tỷ đồng** cao hơn 8.11% so với cùng kỳ năm trước.



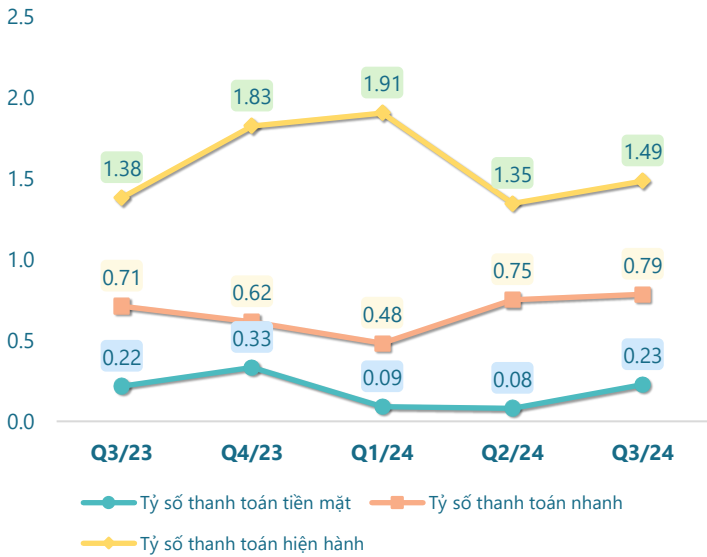
Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **2.50 tỷ đồng** tăng thêm 143% so với kỳ trước và thấp hơn 19.1% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **82.25 tỷ đồng** giảm đi 17.7% so với kỳ trước và cao hơn 5.53% so với cùng kỳ năm trước.

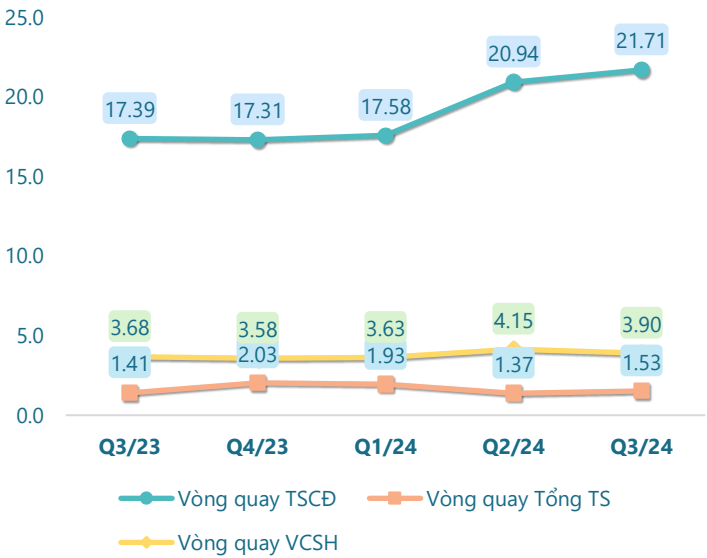
Chi phí khác bằng **0.01 tỷ đồng** giảm đi 87.5% so với kỳ trước và tăng thêm 0.01 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	429	617	-30.5%	440	-2.6%	1,134	962	17.9%
Giá vốn hàng bán	321	491	-34.5%	339	-5.2%	869	727	19.6%
Lợi nhuận gộp	107	126	-14.9%	101	6.1%	265	235	12.5%
Doanh thu HĐTC	0.09	0.20	-53.0%	0.03	214%	0.59	0.63	-6.4%
Chi phí TC	3.50	1.85	89.2%	3.09	13.3%	5.80	5.50	5.5%
Chi phí lãi vay	2.50	1.03	143%	3.09	-19.1%	3.98	5.21	-23.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	64.3	77.3	-16.8%	65.5	-1.8%	161	144	12.0%
Chi phí QLDN	17.9	22.6	-20.7%	12.5	43.3%	47.9	39.4	21.6%
LN thuần từ HĐKD	21.5	24.1	-10.6%	20.1	7.2%	50.9	47.5	7.1%
Lợi nhuận khác	-0.01	0.27	-103%	-0.01	27.6%	0.26	0.02	1296%
LN trước thuế	21.5	24.3	-11.4%	20.1	7.2%	51.1	47.5	7.6%
Lợi nhuận sau thuế	16.9	18.7	-9.6%	15.6	8.3%	39.8	36.8	8.3%
LNST của CĐ cty mẹ	16.9	18.7	-9.6%	15.6	8.3%	39.8	36.8	8.3%

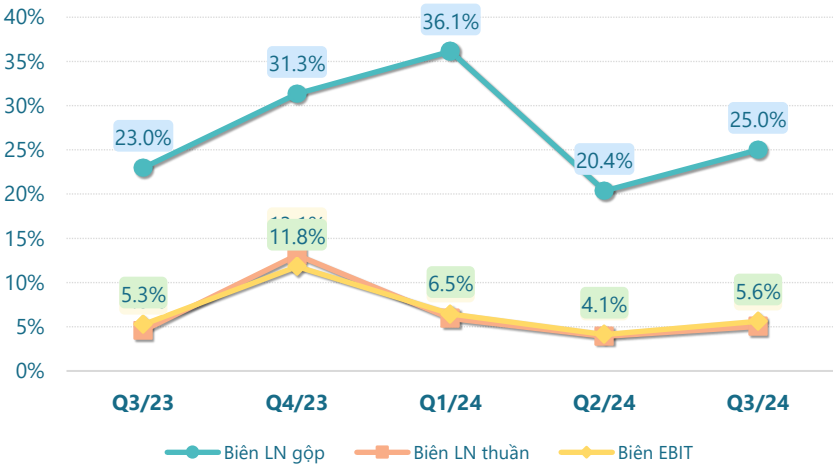
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi

